UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15 /2015/QĐ-UBND	*Đà Lạt, ngày 27 tháng 02 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung một số nội dung của Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

Thực hiện Nghị quyết số 124/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội Đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Bảng giá đất năm 2015 (áp dụng cho chu kỳ 5 năm) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số 89/TTr-STNMT ngày 02 tháng 02 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số nội dung tại điểm 1, khoản I, Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, ban hành kèm theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; cụ thể như sau:

1. Bổ sung nội dung vị trí 1, tại điểm 1, khoản I: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lô giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, **Đường đô thị** trong phạm vi 500 mét.

2. Bổ sung nội dung vị trí 2, tại điểm 1, khoản I: được xác định cho những thửa đất (lô đất) có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lô giới của Quốc lộ, Đường tỉnh, **Đường đô thị** trong phạm vi trên 500 mét đến 1.000 mét; **hoặc có khoảng cách tính từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới Đường huyện, Đường xã trong phạm vi 500 mét.**

3. Bổ sung giá đất trồng cây hàng năm tại tiết 1.1, điểm 1, khoản I.

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	**Vị trí 2**	**Vị trí 3**
16	Phường 12	155	124	78

4. Bổ sung giá đất trồng cây lâu năm năm tại tiết 1.2, điểm 1, khoản I.

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
16	Phường 12	200	160	100

5. Bổ sung giá đất nuôi trồng thủy sản tại tiết 1.3, điểm 1, khoản I.

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
16	Phường 12	90	72	45

6. Bổ sung giá đất nông nghiệp khác tại tiết 1.4, điểm 1, khoản I.

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
16	Phường 12	200	160	100

7. Bổ sung giá đất rừng sản xuất tại tiết 1.5, điểm 1, khoản I.

ĐVT: 1.000 đồng/m^2

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
16	Phường 12	75	60	35

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành; là một phần không tách rời của Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bảo Lộc và thành phố Đà Lạt; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH và Báo Lâm Đồng;
- Như điều 4;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh; TT tin học;
- Lưu: VT, TC.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Việt